

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày 06-3-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 571/2017/TLST-DS ngày 23/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2017/QĐXXST-DS ngày 18/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1993; thường trú: Xã H, huyện T, thành phố Q. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Anh Trương Phúc T1, sinh năm 1995; thường trú: Số B49, tổ 29, khu phố 5, phường B, thành phố H, tỉnh N. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; cùng thường trú: Số 320B/24, khu phố N1, phường A, thị xã D, tỉnh Bì. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 15/11/2017, nguyên đơn anh Nguyễn Thành T và anh Trương Phúc T1 trình bày:

Do là chỗ quen biết nên nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), việc vay tiền được thể hiện tại giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 15/8/2016, thời hạn vay 15 ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 2%/tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền.

Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền đã vay nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc 180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng với số tiền 21.600.000 đồng. Ngày 15/11/2017, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, chỉ yêu cầu tính lãi suất 9%/năm tương đương 0,75%/tháng x 14,5 tháng (tính từ ngày 31/8/2016 đến ngày 15/11/2017) là 19.575.000 đồng. Tổng cộng 199.575.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 15/8/2016 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 11/12/2016 và tham gia phiên tòa vào các ngày 04/01/2017 ; 24/01/2017; 12/02/2018 và 06/3/2018 nhưng bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại phường A, thị xã D, tỉnh B phải trả số tiền 199.575.000 đồng (trong đó nợ gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi 19.575.000 đồng). Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì “*Thời hiệu khởi kiện...tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”. Từ 31/8/2016, bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T không thanh toán tiền gốc thỏa thuận. Ngày 01/8/2017, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản vẫn còn.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 05/3/2018, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà L và ông T vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 15/8/2016 có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 180.000.000 nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

[5] Nguyên đơn cho rằng giữa nguyên và bị đơn có thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh, đồng thời quá trình tố tụng bị đơn không đến Tòa án nên không có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản vay trong hạn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định 9%/năm tương đương 0,75%/tháng x 14,5 tháng (từ ngày 31/8/2016 đến ngày 15/11/2017), xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong giấy thỏa thuận mượn tiền, đồng thời bị đơn cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh bị đơn không vay nợ của nguyên đơn hoặc đã thanh toán xong các khoản nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền 199.575.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho anh Nguyễn Thành T và anh Trương Phúc T1 số tiền 199.575.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó gồm 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 19.575.000 đồng (mười chín triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T phải nộp 9.978.750 đồng (chín triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Anh Nguyễn Thành T và anh Trương Phúc T1 không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho anh Nguyễn Thành T và anh Trương Phúc T1 5.040.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010193, ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TX D;
- Chi cục THADS TX D;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

